

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2025/DS-PT

Ngày 18/3/2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Ông Trần Tuấn Quốc

Bà Hồ Thị Tuyết Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Phong Lan là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 595/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 169/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Bá T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Phú Hữu, xã Định Mỹ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Chỗ ở: Số D6-25, Trần Huy Liệu, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lâm Thanh T1. Địa chỉ: B đường H, KV4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- **Bị đơn:** 1. Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1979.

2. Ông Đặng Thanh S, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Số E đường H, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị M. Địa chỉ: D đường số C khu dân cư T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Xuân M1 của Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư thành phố C.

- **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Kim H và ông Đặng Thanh S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn trình bày:* Do có sự quen biết với vợ chồng bà Nguyễn Kim H và ông Đặng Thanh S nên ông Lê Bá T có cho vợ chồng ông S, bà H vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Vào ngày 31/10/2022, số tiền 50.000.000đ, ngày 10/11/2022 số tiền 50.000.000đ và ngày 16/11/2022 số tiền 250.000.000đ, tổng cộng là 350.000.000đ ông T đã chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Kim H - số tài khoản: 0939964859, tại Ngân hàng E. Vợ chồng ông S, bà H cam kết sẽ trả số tiền này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày mượn, đến hạn thì vợ chồng ông không thực hiện.

- Đến ngày 15/01/2023 và ngày 19/01/2023, vợ chồng ông S, bà H có giấy xác nhận nợ mượn của ông T số tiền theo biên nhận ngày 15/01/2023 là 3.606.741.500đ, biên nhận ngày 19/01/2023 số tiền 3.257.810.000đ và hạn đến ngày 28/02/2023 sẽ trả đủ số tiền theo hai giấy nợ nói trên là 6.864.551.000đ.

Theo nội dung biên nhận, vợ chồng ông S cam kết sẽ trả hết số tiền nói trên cùng lãi suất phát sinh cho ông T theo thỏa thuận ngay sau khi nhận tiền đền bù theo bản án phúc thẩm số 243/2022/DSPT ngày 29/9/2022 của TAND thành phố Cần Thơ và quyết định thi hành án số 254/QĐ-CCTHA-DS ngày 11/11/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Nhưng sau khi vợ chồng ông S nhận được số tiền 6.294.216.000đ do Ngân hàng TMCP Q là người phải thi hành án trả cho vợ chồng ông S thì vợ chồng ông S không thực hiện nghĩa vụ trả cho ông T theo cam kết tại hai giấy nợ ngày 15/01/2023 và ngày 19/01/2023. Ông T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông S trả nợ, nhưng phía vợ chồng ông S trì hoãn, với lý do chưa bán được tài sản.

Nay, ông T khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, với yêu cầu:

- Buộc vợ chồng ông Đặng Thanh S và bà Nguyễn Kim H phải trả cho ông T số tiền gốc 6.864.551.000đ (theo 2 biên nhận ngày 15/01/2023 - 19/01/2023) và lãi suất phát sinh ông T yêu cầu là 12% trên một năm trên số tiền gốc, tính từ ngày 01/3/2023 đến ngày khởi kiện 15/01/2024: $6.864.551.000đ \times 315 \text{ ngày} \times 1\%/\text{tháng} : 30 \text{ ngày} = 720.777.855đ$.

Buộc vợ chồng ông Đặng Thanh S và bà Nguyễn Kim H phải trả cho ông T số tiền gốc 350.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 12%/năm trên số tiền gốc và tính lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày khởi kiện 15/01/2024: $350.000.000đ \times 375 \text{ ngày} \times 1\% : 30 \text{ ngày} = 43.750.000đ$.

Tổng cộng hai khoản nợ ông T yêu cầu buộc vợ chồng ông Đặng Thanh S và bà Nguyễn Kim H phải trả

+ Nợ gốc: $6.864.551.000đ + 350.000.000đ = 7.214.551.000đ$

+ Lãi phát sinh: $720.777.855đ + 43.750.000đ = 764.527.855đ$

Tổng cộng nợ gốc và lãi phát sinh: 7.979.078.855đ (Bảy tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu không trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm năm mươi lăm đồng).

** Bị đơn trình bày:* Vào cuối tháng 12 năm 2021, qua sự giới thiệu bên công ty thẩm định giá nên bị đơn có quen biết ông Lê Quốc K. Do bị đơn cần

tiền để đáo hạn ngân hàng nên có hỏi vay ông K số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng). Do ông K không có tiền nên có giới thiệu ông T để bị đơn vay tiền. Do nắm được bị đơn có nhiều bất động sản có giá trị lớn, nên phía ông T đồng ý cho bị đơn vay 1.500.000.000đ (một tỷ, năm trăm triệu đồng) ngày 28 tháng 01 năm 2022 nhưng nhờ ông K đứng giao dịch bằng hình thức ông T đưa tiền cho ông K và ông K chuyển tiền cho bị đơn. Khi ông K chuyển tiền thì chỉ chuyển 1.340.000.000đ (một tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng), không phải 1.500.000.000đ vì trừ đi 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng). Đến ngày 25 tháng 02 năm 2022, bị đơn có chuyển đóng lãi cho vay (8%/tháng của khoản vay 1.500.000.000 đồng, (Một tỷ, năm trăm triệu đồng), cho ông T là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) qua tài khoản của ông K, có xác nhận đã nhận được tiền từ ông K qua tin nhắn và sao kê tài khoản ngân hàng.

Đến ngày 06 tháng 6 năm 2022, bị đơn cần số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) để trả tiền mua đất trước đó nên tiếp tục hỏi vay ông T. Ông T đồng ý cho vay và để làm tin ông T yêu cầu bị đơn làm hợp đồng đặt cọc căn nhà và đất tại số E- Hồ T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (Thời điểm này tài sản đang thế chấp tại ngân hàng M2). Do tin tưởng nên bị đơn nghe theo và làm hợp đồng đặt cọc đất như ông T yêu cầu.

Sau khi nhận tiền thì bị đơn có chuyển trả thêm tiền đóng lãi qua tài khoản cho ông K (do ông T yêu cầu) với số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Sau này phía bị đơn có vay thêm nguyên đơn số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) để điều trị bệnh cho người thân.

Như vậy tổng số tiền bị đơn vay của nguyên đơn là 3.750.000.000đ (ba tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Sau một thời gian dài do ảnh hưởng của đại dịch Covid dẫn đến tình hình kinh tế khó khăn, buôn bán không thuận lợi nên bị đơn không có tiền đóng lãi cho ông T. Khi bị đơn nhận được bản án của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ và Quyết định của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều về việc trả tiền từ huỷ kết quả đấu giá bên Ngân hàng Q cho bị đơn thì ông T yêu cầu bị đơn trả 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) tiền gốc và yêu cầu bị đơn ủy quyền cho ông K nhận dùm ông T, vì ông T ở Kiên Giang, không ở Cần Thơ, đi lại khó khăn nên để cho K nhận dùm. Tin tưởng nên bị đơn đã ủy quyền cho ông K nhận số tiền là 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) với hình thức bên thi hành án chuyển trực tiếp cho K (có chứng từ chuyển bên Chi cục thi hành án quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ).

Như vậy tổng số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn 4 lần là 2.680.000.000đ (hai tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng).

Sau khi nhận tiền bên thi hành án xong, ông T nói là bị đơn vẫn thiếu tiền lãi chưa đóng xong nên yêu cầu bị đơn xác nhận tiền còn thiếu với hình thức gia hạn tiền đặt cọc nhà đất tại số E- Hồ T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ như đã nêu trên.

Đến hết ngày 29/7/2023, khi hết thời gian gia hạn nhưng do bị đơn không bán được đất nên chưa có tiền trả cho ông T, vì vậy ông T đã khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Bình Thủy với nội dung tranh chấp hợp đồng đặt cọc. Nhưng thực chất đây là số tiền bị đơn vay của ông T.

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân quận Bình Thủy đưa vụ án ra xét xử và tuyên bị đơn có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng) có bản án kèm theo.

Như vậy tổng số tiền bị đơn vay của ông Lê Bá T là 3.750.000.000đ (ba tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) và đã trả được 2.680.000.000đ (hai tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng).

Do bản án số 122/2023/DS-ST ngày 25/12/2023 tuyên bị đơn chỉ phải trả cho nguyên đơn số tiền 4.000.000.000đ nên ông T mới dùng các giấy xác nhận nợ để tiếp tục khởi kiện bị đơn. Thực chất 02 giấy xác nhận nợ vào ngày 15/01/2023 và ngày 19/01/2023 là một, nhưng do tin tưởng nên lúc ký bị đơn không để ý ngày nên ký vào, bị đơn nghĩ nó là 02 bản giống nhau, mỗi bên giữ 01 bản. Và giấy xác nhận nợ ngày 15/01/2023, là ký để xác định khoản vay nêu trên. Thực chất bị đơn ngoài số tiền đã nhận là 3.750.000.000đ vào các ngày 28/01/2022 ; 25/02/2022 ; 07/6/2022 ; 27/06/2023, thì bị đơn không nhận thêm bất kỳ khoản tiền nào khác từ ông T và K chuyển khoản dùm hoặc đưa tiền mặt. Bởi vì số tiền mà ông T thừa kiện là rất lớn không có chứng từ chuyển khoản và giấy nhận tiền mặt từ bị đơn.

Chính vì vậy, với yêu cầu khởi kiện của ông T, bị đơn không đồng ý. Bởi 02 biên bản xác nhận nợ là giả tạo, đồng thời khoản vay của bị đơn cũng được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy vào ngày 25/12/2023 như nêu trên, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 4.000.000.000đ. Như vậy số tiền mặt bị đơn đã chuyển khoản trả cho nguyên đơn là 2.680.000.000đ cộng với số tiền 4.000.000.000đ theo bản án của Tòa án Bình Thủy vào ngày 25/12/2023 (chưa thi hành) là 6.680.000.000đ. Vượt rất nhiều so với số tiền bị đơn thực nhận của nguyên đơn là 3.750.000.000đ.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 169/2024/DSST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Bá T. Buộc bị đơn bà Nguyễn Kim H và ông Đặng Thanh S có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền theo 02 giấy xác nhận nợ ngày 15/01/2023 và ngày 19/01/2023 là 6.864.551.000đ và lãi suất từ 01/3/2023 đến 15/01/2024 là 598.245.000đ. Tổng cộng 7.462.796.000đ (bảy tỷ bốn trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Bá T đối với yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Kim H và ông Đặng Thanh S trả số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) cùng lãi suất 36.312.500đ (ba mươi sáu triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

3. Về án phí: bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 115.462.796đ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền 386.312.500đ không được chấp nhận là 19.315.625đ khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002472 ngày 26/01/2024, nguyên đơn được nhận lại 38.673.914đ.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 09/10/2024, ông S và bà H cho rằng các giấy xác nhận nợ mà nguyên đơn cung cấp là các giấy từ xác nhận không mà vợ chồng bị đơn đã ký cho ông T nhằm chứng minh là ông T có tiền đối với các chủ nợ của ông T. Bị đơn hoàn toàn không có nợ nguyên đơn các khoản tiền đó. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xin xét vắng mặt, bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị đơn đã là người có đủ năng lực hành vi dân sự khi ký các tờ xác nhận nợ thì phải nắm rõ nội dung của giấy xác nhận. Bị đơn thừa nhận ký xác nhận nợ nhưng không có tài liệu chứng minh cho lời trình bày của mình nên kháng cáo không có cơ sở chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, các bên tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Toà án nhân dân quận Bình Thủy đã thụ lý là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xuất trình bản chính bản án dân sự sơ thẩm số 122/2023/DSST ngày 25/12/2023 của Toà án nhân dân quận Bình Thủy để cho rằng về mặt thời gian việc tiếp tục ký các xác nhận nợ trong vụ án này là không hợp lý. Hội đồng xét xử xét thấy, sự kiện trong bản án trên là đặt cọc, có nội dung và thời điểm hoàn toàn khác các xác nhận nợ. Do vậy, không có căn cứ xác định món nợ theo các xác nhận năm 2023 có liên quan đến khoản tiền đã tuyên trong bản án sơ thẩm đã nêu.

[3] Bị đơn là người ký vào các giấy nhận nợ ngày 15/01/2023 và giấy nhận nợ ngày 19/01/2023. Bị đơn cung cấp các bản sao nội dung tin nhắn trên zalo để chứng minh cho lời khai của mình. Qua nghiên cứu các nội dung tin nhắn cho thấy không đủ thông tin để kết luận việc bị đơn ký xác nhận nợ để cho nguyên đơn làm tin trong mối quan hệ khác của nguyên đơn. Bị đơn không chứng minh được việc ký xác nhận nợ là do bị ép buộc nên phải chịu trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung các giấy xác nhận nợ thì khẳng định rằng, không có việc nguyên đơn đưa số tiền 3.606.741.500 đồng cho bị đơn ngày 15/01/2023 và không có việc sau đó 04 ngày (19/01/2023) nguyên đơn đưa

tiếp cho bị đơn số tiền 3.257.810.000 đồng. Mà việc xác nhận là thể hiện trước đó, bị đơn có mượn tiền của nguyên đơn. Do đó, xác nhận sau cùng mới là tổng số tiền mà nguyên đơn đã cho bị đơn mượn. Bị đơn cho rằng, số nợ trước đây đã được giải quyết bằng bản án trong tranh chấp hợp đồng đặt cọc nhưng bị đơn không chứng minh được sự liên quan của hai khoản tiền này như đã nhận định trên. Nội dung xác nhận nợ không đề cập đến tiền đặt cọc. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, xác định trách nhiệm trả nợ là khoản tiền được xác nhận trong Giấy xác nhận nợ ngày 19/01/2023 mà không chấp nhận việc cộng số tiền của hai giấy xác nhận nợ như bản án sơ thẩm đã tính toán.

[3] Giấy xác nhận nợ không thoả thuận lãi suất. Do vậy, mức lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (10%/năm).

- Tiền lãi đến nay là: $3.257.810.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 700.331.000 \text{ đồng}$.

- Vốn và lãi là: $3.257.810.000 + 700.331.000 = 3.958.141.000 \text{ (đồng)}$.

[4] Theo quy định tại Điều 147 và Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và điều chỉnh lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Đặng Thanh S và bà Nguyễn Kim H trả cho ông Lê Bá T số tiền 3.958.141.000 đồng (Trong đó, nợ vốn là 3.257.810.000 đồng, nợ lãi là 700.331.000 đồng) theo Giấy xác nhận nợ ngày 19/01/2023.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn thi hành án mà bị đơn chưa trả hết số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền và thời gian chậm trả.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 3.606.741.500 đồng và tiền lãi theo Giấy xác nhận nợ ngày 15/01/2023.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 350.000.000 đồng và tiền lãi theo các lần chuyển khoản vào các ngày 31/10/2022, 10/11/2022 và 16/11/2022.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn phải chịu 111.134.830 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002472 ngày 26/01/2024 thành án phí, nguyên đơn còn phải nộp thêm 53.145.291 đồng.

- Bị đơn phải chịu 111.162.820 đồng (Một trăm mười một triệu một trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm hai mươi đồng)

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn được nhận lại 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001056 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND quận Bình Thủy
- THADS quận Bình Thủy
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Tuyết Phương – Trần Tuấn Quốc Nguyễn Chế Linh